TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Phương Lan**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị V**, sinh năm 1986
Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.
Địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã G, huyện C, tỉnh K.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Danh Đ**, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020 của nguyên đơn Thị V, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ợc vào ngày 27/11/2020, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 2006, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đ- ợc sự đồng ý của gia đình hai bên, chị Thị V cùng anh Danh Đ tổ chức lễ c- ới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; đã đ- ợc UBND xã Giục Tượng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/TP, quyển số

01/2006. Trong quá trình chung sống, chị V và anh Đ có hai người con chung là cháu Danh Hồng N, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Danh Thị Diệp H, sinh ngày 21/10/2010 đang do chị Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; không có tài sản chung; có nợ chung là nợ bà Thị M 4.000.000 đồng và nợ chị ruột của chị Thị V là chị Thị M 02 chỉ vàng 24K (Chị Thị V đã thanh toán đủ số nợ cho bà Thị M là 4.000.000 đồng vào tháng 8/2020, chị Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết). Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng giữa chị Thị V và anh Danh Đ hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh Danh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, gây ra bất hòa trong gia đình, chị V và anh Đ đã ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2020, chị Thị V yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Danh Đ;

- Về con chung: Yêu cầu đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Danh Hồng N, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Danh Thị Diệp H, sinh ngày 21/10/2010 cho đến khi cháu N, cháu H tròn 18 tuổi; không yêu cầu anh Danh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi số nợ bà Thị M 4.000.000 đồng, chị Thị M 02 chỉ vàng 24K, anh Đ và chị V, mỗi người trả một nữa.

Tại nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ợc vào ngày 27/11/2020, chị Thị V yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đ- ợc ly hôn với anh Danh Đ.

- Về con chung: Yêu cầu đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Danh Hồng N, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Danh Thị Diệp H, sinh ngày 21/10/2010 cho đến khi cháu Hồng N, cháu Diệp H tròn 18 tuổi; không yêu cầu anh Danh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Danh Đ theo quy định của pháp luật, nh- ng anh Danh Đ không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của anh Danh Đ.

Tại phiên tòa, chị Thị V vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như nội dung biên bản không tiến hành hoà giải đ- ợc vào ngày 27/11/2020.

□ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị V;

không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Thị V và anh Danh Đ do chị Thị V không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2006, chị Thị V và anh Danh Đ thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 17/7/2020, chị Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Danh Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Thị V và anh Danh Đ; anh Danh Đ có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K. Do đó, đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Danh Đ tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29/12/2020 cho anh Danh Đ theo quy định của pháp luật, anh Danh Đ vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do chính đáng, đ-ợc sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Thị V, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Danh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị V:

2.1. Về hôn nhân: Chị Thị V và anh Danh Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c-ới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cùng vào năm 2006, đã đ-ợc UBND xã Giục Tượng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Thị V và anh Danh Đ là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Thị V yêu cầu đ-ợc ly hôn với anh Danh Đ.

Xét rằng: Tuy anh Danh Đ không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án thì anh Danh Đ có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K; chị Thị V và anh Danh Đ có hai người con chung là cháu Danh Hồng N, sinh năm 2007 và cháu Danh Thị Diệp H, sinh năm 2010 đang do chị Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau từ lâu (BL 31). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Danh Đ không hợp tác- chứng tỏ anh Danh Đ không có thiện chí hàn gắn quan

hệ vợ chồng với chị Thị V. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Thị V và anh Danh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị V đối với anh Danh Đ.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Thị V và anh Danh Đ có 02 người con chung là cháu Danh Hồng N, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Danh Thị Diệp H, sinh ngày 21/10/2010 đang do chị Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Thị V: Từ khi chị Thị V và anh Danh Đ ly thân đến nay thì cả hai cháu Hồng N, Diệp H đ- ợc chị Thị V trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục; căn cứ vào nguyện vọng của các cháu vào ngày 30/7/2020 (BL 24, 25), quyền lợi về mọi mặt của các cháu và để ổn định tình cảm, tâm lý cho các cháu, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Thị V.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Do chị Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thị V.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Thị V phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Thị V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006453, ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị V không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Danh Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị V và anh Danh Đ.

2- Về con chung: Cho chị Thị Vui đ- ợc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Danh Hồng N, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Danh Thị Diệp H, sinh ngày 21/10/2010 cho đến khi cháu Hồng N, cháu Diệp H tròn 18 tuổi; anh Danh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ợc quyền cản trở.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Vui không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí: Chị Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Thị V phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Thị V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006453, ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị V không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Danh Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/01/2021), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

Hoàng Thị Thu H- ơng